TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 6 - 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Bà Đoàn Thị Sim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn S1, sinh năm 1973 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã V, huyện P, tỉnh C.

Bị đơn: Bà Nông Thị S2, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã V, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/3/2024 cùng các văn bản khác kèm theo nguyên đơn ông Lê Văn S1 trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2013, ông và bà Nông Thị S2 thành hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau ngày 22/8/2013. Trong thời

gian chung sống thì giữa ông và bà Nông Thị S2 thường xuyên cãi vả, phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nhau, hai bên không còn tình cảm dành cho nhau và đã không còn sống chung với nhau từ năm 2021. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên ông không thể đoàn tụ gia đình với bà Nông Thị S2. Nay ông yêu cầu Tòa án xét xử cho ông ly hôn với bà Nông Thị S2.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Lê Thị Khánh N(giới tính nữ), sinh ngày 22/02/2014 và Lê Nông Khánh Ng (giới tính nữ), sinh ngày 05/01/2018. Hiện cả hai người con chung đang do bà Nông Thị S2 nuôi dưỡng, ông yêu cầu giao cả hai người con chung cho bà Nông Thị S2 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc làm ăn xa nên việc đi lại khó khăn, ông Lê Văn S1 xin vắng mặt tham gia tố tụng và không có ý kiến gì khác.

Bà Nông Thị S2 đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng bà Nông Thị S2 vẫn không tham gia tố tụng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, cụ thể về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông Lê Văn S1 ly hôn với bà Nông Thị S2. Về con chung: Có hai người tên là Lê Thị Khánh N(giới tính nữ), sinh ngày 22/02/2014 và Lê Nông Khánh Ng (giới tính nữ), sinh ngày 05/01/2018. Hiện tại đang do bà Nông Thị S2 nuôi dưỡng. Ông Lê Văn S1 yêu cầu giao cả hai người con chung cho bà Nông Thị S2 nuôi dưỡng nên chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn S1 là phù hợp. Bà Nông Thị sẳn không yêu cầu ông Lê Văn S1 cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Văn S1 xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 để xét xử vắng mặt. Bà Nông Thị S2 đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng bà Nông Thị S2 không cung cấp chứng cứ gì, bà Nông Thị S2 vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Năm 2013, ông Lê Văn S1 và bà Nông Thị S2 chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ông Lê Văn S1 xác định không còn tình cảm dành cho bà Nông Thị S2 và cương quyết yêu cầu ly hôn bà Nông Thị S2. Bà Nông Thị S2 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án xem xét. Cho thấy bà Nông Thị S2 không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, quan hệ hôn nhân của ông Lê Văn S1 và bà Nông Thị S2 đã và đang trong tình trạng trầm trọng, không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2021 cho đến nay mà không thể hòa giải hàn gắn được. Đối với yêu cầu của ông Lê Văn S1, bà Nông Thị S2 không có ý kiến gì. Xét cho ông Lê Văn S1 ly hôn với bà Nông Thị S2 là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có hai người tên là Lê Thị Khánh N(giới tính nữ), sinh ngày 22/02/2014 và Lê Nông Khánh Ng (giới tính nữ), sinh ngày 05/01/2018. Hiện cả hai người con chung đang do bà Nông Thị S2 trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lê Văn S1 yêu cầu giao cả hai người con chung cho bà Nông Thị S2 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện cả hai người con chung đang do bà Nông Thị S2 trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời Lê Thị Khánh N có nguyện vọng được sống cùng với bà Nông Thị S2. Từ đó, để đảm bảo cho sự ổn định về mặt tinh thần nên giao cả hai người con chung cho bà Nông Thị S2 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Bà Nông Thị S2 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn S1 phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Lê Văn S1 ly hôn với bà Nông Thị S2.

2. Về con chung: Giao Lê Thị Khánh N(giới tính nữ), sinh ngày 22/02/2014 và Lê Nông Khánh Ng (giới tính nữ), sinh ngày 05/01/2018 cho bà Nông Thị S2 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lê Văn S1 không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn S1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn S1 phải chịu 300.000 đồng. Ông Lê Văn S1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003364 ngày 29/3/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Phú Tân;*
- *Chi cục THADS (khi có hiệu lực);*
- *Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);*
- *UBND xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu trữ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Ngọc Trọng